

TTĐT

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
TỔ CÔNG TÁC CỦA TTgCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70/BC-TCTTTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao từ 01/01/2017 đến nay và kết quả kiểm tra tháng 02 năm 2018

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giới: C
	Ngày: 07/3/2018

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIAO

Từ ngày 01/01/2017 đến 28/02/2018, có tổng số 25.385 nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương. Trong đó, có 13.311 nhiệm vụ đã hoàn thành (đúng hạn: 11.148, quá hạn: 2.163); 12.074 nhiệm vụ chưa hoàn thành (trong hạn: 11.765, quá hạn: 309 - chiếm 2,26%), (có phụ lục kèm theo).

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA CỦA TỔ CÔNG TÁC THÁNG 02 NĂM 2018

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác của Thủ tướng đã tiến hành kiểm tra các Bộ quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu trong việc cắt giảm danh mục sản phẩm, hàng hóa, đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chuyên ngành và đề xuất cách thức quản lý đối với danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành (KTCN) hiện đang chồng chéo giữa các Bộ; kiểm tra 16 Bộ, cơ quan có ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện trong việc rà soát, xây dựng phương án đơn giản, cắt giảm hoặc bãi bỏ điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong sản xuất và kinh doanh.

Tại buổi kiểm tra Tổ công tác đã truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc yêu cầu các Bộ, cơ quan chủ động rà soát và khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ giao, khắc phục triệt để tình trạng trì trệ trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là các nhiệm vụ giao đã bị chậm, quá hạn, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, an sinh xã hội, như việc tổ chức thi công thí điểm 1 km đường để làm cơ sở, điều chỉnh hệ thống định mức dự toán và chi phí đầu tư xây dựng công trình; việc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất 2016 - 2020 của các địa phương; việc báo cáo về Cảng Cái Mép - Thị Vải; thanh tra vụ việc về sai phạm trong lĩnh vực quản lý dược (VNpharma), dự án Cảng Quy Nhơn...

Tổ công tác xin báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ kết quả kiểm tra như sau:

1. Kết quả kiểm tra các Bộ quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Sau các cuộc kiểm tra chuyên đề năm 2017 của Tổ công tác tại các Bộ quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, công tác KTCN đã có

những chuyển biến tích cực theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, như:

- Các Bộ tích cực hơn trong việc rà soát, xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về KTCN theo hướng đẩy mạnh cải cách, cắt giảm danh mục sản phẩm hàng hóa và thủ tục kiểm tra chuyên ngành; thay đổi phương thức quản lý, kiểm tra; thực hiện nguyên tắc quản lý rủi ro theo sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp;

- Đã áp dụng thông lệ quốc tế, đẩy mạnh công nhận lẫn nhau theo thỏa thuận;

- Điện tử hóa thủ tục (nộp hồ sơ, trả kết quả) KTCN; kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, tổ chức quản lý KTCN.

Nhưng bên cạnh đó, công tác KTCN vẫn còn tồn tại, bất cập, các Bộ chưa quyết liệt thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác KTCN, như:

- Việc rà soát, cắt giảm danh mục hàng hóa phải KTCN và cắt giảm thủ tục liên quan đến KTCN chưa đạt kết quả theo yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/12/2017 và Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ;

- Các Bộ chưa đề xuất cụ thể cách thức quản lý đối với các danh mục hàng hóa phải KTCN đang bị chồng chéo, chịu nhiều hình thức kiểm tra của nhiều Bộ hoặc của nhiều cơ quan, đơn vị thuộc một Bộ;

- Tình trạng độc quyền trong hoạt động kiểm tra, đánh giá sự phù hợp chưa được khắc phục triệt để;

- Chi phí của thủ tục KTCN vẫn là gánh nặng lớn đối với doanh nghiệp;

- Đến tháng 12/2017, có 178 Danh mục hàng hóa các Bộ, ngành phải ban hành. Trong đó:

- + Số Danh mục hàng hóa chưa ban hành: 41 Danh mục;

- + Số Danh mục hàng hóa đã được ban hành: 137 Danh mục (có 104 danh mục đã có mã số HS thì có 67 Danh mục ban hành kèm mã số HS phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam được ban hành kèm Thông tư 65/2017/TT-BTC; 37 Danh mục đã ban hành có mã số HS nhưng mã số HS chưa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam 2017; 33 Danh mục chưa có mã số HS).

- Còn khoảng 34% danh mục hàng hóa phải KTCN chưa có tiêu chuẩn.

Kết quả rà soát, cắt giảm danh mục sản phẩm hàng hóa và thủ tục KTCN của các Bộ:

- **Bộ Công Thương:**

- + Có 702 mặt hàng xuất nhập khẩu phải KTCN. Đã cắt giảm: 402. Đã đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

+ Có 03 thủ tục hành chính. Đã đề xuất sửa đổi, bổ sung: 03 thủ tục. Cần tiếp tục cắt giảm 02 thủ tục theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

- Bộ Y tế:

+ Có 802 mặt hàng xuất nhập khẩu phải KTCN. Đã cắt giảm: 07 loại sản phẩm; giảm 95 số lô hàng thuộc diện KTCN giảm phải kiểm tra về an toàn thực phẩm; cần tiếp tục cắt giảm 407 sản phẩm, hàng hóa theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

+ Có 10 thủ tục hành chính. Đã đơn giản hóa 02 thủ tục; đề xuất cắt giảm: 02 thủ tục. Cần tiếp tục cắt giảm 05 thủ tục theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT:

+ Có 7.698 dòng hàng thuộc 251 nhóm sản phẩm hàng hóa phải KTCN (đều đã áp mã HS); chưa đề xuất số lượng hàng hóa cắt giảm. Cần cắt giảm 125 nhóm sản phẩm hàng hóa theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

+ Có 64 thủ tục hành chính. Chưa đề xuất cắt giảm, đơn giản. Cần cắt giảm 32 thủ tục theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

- Bộ Thông tin và Truyền thông:

+ Có 143 mặt hàng xuất nhập khẩu phải KTCN. Đang đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa 50 mặt hàng; cần tiếp tục đề xuất cắt giảm 72 sản phẩm, hàng hóa theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

+ Có 04 thủ tục hành chính. Đã đề xuất bãi bỏ: 02 thủ tục. Cần tiếp tục cắt giảm 02 thủ tục theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường:

+ Có 110 mặt hàng thuộc 03 nhóm sản phẩm phải KTCN. Chưa đề xuất cắt giảm; cần cắt giảm 55 sản phẩm, hàng hóa theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

+ Có 13 thủ tục hành chính. Chưa đề xuất bãi bỏ hoặc đơn giản hóa. Cần cắt giảm 07 thủ tục theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

- Bộ Giao thông vận tải:

+ Có 128 mặt hàng phải KTCN. Chưa đề xuất cắt giảm. Cần tiếp tục đề xuất cắt giảm 64 mặt hàng theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

+ Có 09 thủ tục hành chính. Chưa đề xuất cắt giảm. Cần tiếp tục đề xuất cắt giảm 05 thủ tục theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

- Bộ Xây dựng:

+ Có 64 mặt hàng thuộc 10 nhóm sản phẩm phải KTCN. Đã cắt giảm và đề xuất cắt giảm 39 mặt hàng; cần tiếp tục đề xuất cắt giảm 35 mặt hàng theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

+ Có 03 thủ tục hành chính. Chưa đề xuất bãi bỏ hoặc đơn giản hóa. Cần cắt giảm 02 thủ tục theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội:

+ Có 32 sản phẩm, hàng hóa phải KTCN, đã cắt giảm 05 sản phẩm; giảm 56,5% (09 sản phẩm) hàng hóa phải kiểm tra trước thông quan. Cần tiếp tục đề xuất cắt giảm 16 mặt hàng theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

+ Có 11 thủ tục hành chính. Chưa đề xuất bãi bỏ hoặc đơn giản hóa. Cần cắt giảm 06 thủ tục theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

- Bộ Khoa học và Công nghệ:

+ Có 26 nhóm sản phẩm, hàng hóa phải KTCN, đã cắt giảm 24 nhóm sản phẩm, hàng hóa. Đã đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

+ Có 03 thủ tục hành chính. Chưa đề xuất bãi bỏ hoặc đơn giản hóa. Cần cắt giảm 02 thủ tục theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

+ Có 06 sản phẩm, hàng hóa phải KTCN. Chưa đề xuất cắt giảm. Cần tiếp tục đề xuất cắt giảm 03 mặt hàng theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

+ Có 10 thủ tục hành chính. Chưa đề xuất bãi bỏ hoặc đơn giản hóa. Cần cắt giảm 05 thủ tục theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

- Bộ Công an: Có 35 sản phẩm hàng hóa xuất nhập khẩu phải KTCN. Đã đề xuất cắt giảm: 04 sản phẩm, hàng hóa. Cần tiếp tục cắt giảm 18 sản phẩm, hàng hóa theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

2. Kết quả kiểm tra 16 Bộ, cơ quan về điều kiện kinh doanh

Hiện nay có 243 ngành, nghề đầu tư kinh doanh với 3.571 yêu cầu, điều kiện (tính trung bình, có khoảng hơn 14 yêu cầu, điều kiện áp dụng với mỗi ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực khác nhau) được quy định tại 231 văn bản quy phạm pháp luật, gồm 66 luật, 03 pháp lệnh, 162 nghị định.

Những bất cập, tồn tại về điều kiện kinh doanh hiện nay:

- Không ít ngành, nghề thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện chưa thật sự đáp ứng tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư 2014 về sự cần thiết phải quy định là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

- Một số điều kiện đầu tư kinh doanh đặt ra yêu cầu quá mức cần thiết để phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, tạo ra rào cản gia nhập thị trường, hạn chế cạnh tranh, như yêu cầu phải sở hữu phương tiện, máy móc, thiết bị; quy định thời hạn Giấy phép kinh doanh quá ngắn; yêu cầu nhân viên quản lý hoặc vận hành của doanh nghiệp phải được đào tạo, tập huấn do cơ quan nhà nước tổ chức và thu tiền...;

- Nhiều điều kiện đầu tư kinh doanh được quy định chung chung, không rõ ràng, thiếu cụ thể, khó xác định, như: “phải phù hợp”, “phải đủ”, “phải sạch sẽ”, “phải thoáng mát”, “phải thuận tiện”, “phải có đạo đức tốt”, “phải có đủ sức khỏe”, “phải có trình độ”...; một số tiêu chuẩn, quy chuẩn biến tướng thành ĐKKD;

- Một số điều kiện đầu tư kinh doanh áp đặt phương thức kinh doanh cứng nhắc, can thiệp quá sâu vào quyền tự chủ tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gây tác động bất lợi đến doanh nghiệp vừa và nhỏ, như bắt buộc phải thành lập một loại hình doanh nghiệp cụ thể; yêu cầu kinh doanh theo một phương thức nhất định; phải phù hợp với quy hoạch ngành, sản phẩm; phải có mặt bằng, quy mô, công suất sản xuất, kinh doanh tối thiểu hoặc phải sử dụng một loại công nghệ nhất định...;

- Các điều kiện kinh doanh được quy định khá đa dạng, thể hiện dưới nhiều hình thức, yêu cầu, điều kiện khác nhau và được phân loại thành 08 nhóm cơ bản, bao gồm: (1) Phải được tổ chức dưới hình thức pháp lý nhất định, (2) Yêu cầu về nhân lực, lao động, (3) Yêu cầu về năng lực sản xuất, (4) Yêu cầu về cách thức, bố trí tổ chức sản xuất, nhà xưởng, (5) Yêu cầu về năng lực tài chính tối thiểu, (6) Yêu cầu phải phù hợp với quy hoạch ngành, sản phẩm, (7) Yêu cầu nhân sự quản lý, vận hành phải được đào tạo, tập huấn do cơ quan nhà nước tổ chức, (8) Yêu cầu phải được chấp thuận của cơ quan nhà nước để được kinh doanh.

Những hạn chế nêu trên đã và đang tạo ra nhiều rủi ro cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, không khuyến khích sáng tạo, hạn chế cạnh tranh, làm gia tăng chi phí của doanh nghiệp và ảnh hưởng nhất định đến phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an sinh xã hội.

Kết quả rà soát, đề xuất cắt giảm ĐKKD của các Bộ, cơ quan:

- **Bộ Công Thương:** Tổng số ĐKKD: 1.215. Bộ đã trình Chính phủ ký ban hành Nghị định số 08/2018/NĐ-CP, theo đó 675 ĐKKD đã được cắt giảm (đã đạt theo yêu cầu của Nghị quyết 01/NQ-CP năm 2018 của CP).

- **Bộ Y tế:** Có 853 điều kiện kinh doanh thuộc 11 nhóm ngành, nghề. Bộ đang nghiên cứu rà soát, đề xuất bãi bỏ, sửa đổi những quy định bất hợp lý trong điều kiện kinh doanh về lĩnh vực trang thiết bị y tế; chưa nêu cụ thể phương án đề xuất cắt giảm.

- **Bộ Giao thông vận tải:** Có 498 điều kiện kinh doanh, đã đề xuất cắt giảm 15%; cần tiếp tục cắt giảm 249 ĐKKD theo NQ số 01/2018/NQ-CP.

- **Bộ Nông nghiệp và PTNT:** Có 345 điều kiện kinh doanh thuộc 33 nhóm ngành, nghề; đã đề xuất cắt giảm, bãi bỏ 118 ĐKKD; cần tiếp tục cắt giảm 173 ĐKKD theo NQ số 01/2018/NQ-CP.

- **Bộ Tài chính:** Có 447 điều kiện kinh doanh thuộc 21 nhóm ngành, nghề; đã đề xuất bãi bỏ, sửa đổi và cắt giảm 10 ĐKKD; cần tiếp tục cắt giảm 223 ĐKKD theo NQ số 01/2018/NQ-CP.

- **Bộ Xây dựng:** Có nỗ lực lớn về môi trường đầu tư kinh doanh nói chung và điều kiện đầu tư kinh doanh nói riêng. Cụ thể, Bộ có khoảng 280 ĐKKD. Bộ đã đề xuất bãi bỏ 05 ngành nghề không thuộc danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; 06 ngành, nghề thuộc danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; đề xuất bãi bỏ, đơn giản hóa 183 điều kiện (bãi bỏ 89 điều kiện - 41,3%; đơn giản hóa 94 điều kiện - 43,7%).

- **Bộ Thông tin và Truyền thông:** Có 250 ĐKKD thuộc 16 nhóm ngành, nghề. Đề xuất cắt giảm, sửa đổi 51 điều kiện kinh doanh (16%) nhưng chưa có phương án sửa đổi cụ thể đối với các ĐKKD. Cần tiếp tục cắt giảm 74 ĐKKD theo NQ số 01/2018/NQ-CP.

- **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:** Có 120 điều kiện kinh doanh thuộc 14 nhóm ngành, nghề; đã đề xuất phương án đơn giản hóa đối với 14 nhóm ngành nghề. Bộ cần tiếp tục phương án đơn giản hóa theo đề xuất của Bộ.

- **Bộ Tài nguyên và Môi trường:** Có 163 điều kiện kinh doanh thuộc 18 nhóm ngành, nghề; đã đề xuất cắt giảm 76 ĐKKD; cần tiếp tục cắt giảm 82 ĐKKD theo NQ số 01/2018/NQ-CP.

- **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:** Có 148 điều kiện kinh doanh thuộc 09 nhóm ngành, nghề; đã đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa 04 nhóm; cần tiếp tục cắt giảm 74 ĐKKD theo NQ số 01/2018/NQ-CP.

- **Bộ Khoa học và Công nghệ:** Có 110 điều kiện kinh doanh thuộc 20 nhóm ngành, nghề; đã đề xuất bãi bỏ 02 ĐKKD; cần tiếp tục cắt giảm 53 ĐKKD theo NQ số 01/2018/NQ-CP.

- **Bộ Tư pháp:** Có khoảng gần 100 điều kiện kinh doanh, thuộc 07 nhóm ngành, nghề. Đã đề xuất cắt giảm 05 ĐKKD; cần tiếp tục cắt giảm khoảng 40 ĐKKD theo NQ số 01/2018/NQ-CP.

- **Bộ Giáo dục và Đào tạo:** Có 241 điều kiện kinh doanh thuộc 09 nhóm ngành, nghề; chưa đề xuất cắt giảm hoặc sửa đổi; cần cắt giảm, đơn giản hóa hoặc bãi bỏ 121 ĐKKD theo NQ số 01/2018/NQ-CP.

- **Ngân hàng Nhà nước:** Theo kết quả rà soát của Văn phòng Chính phủ: Hiện nay, NHNN có khoảng 70 ĐKKD thuộc 09 nhóm ngành, nghề (theo báo cáo của NHNN: có khoảng 40 ĐKKD). Chưa đề xuất cắt giảm (đang rà soát, đề xuất cắt giảm và đơn giản hóa); cần cắt giảm 35 ĐKKD theo NQ số 01/2018/NQ-CP. NHNN đã rà soát, đề xuất bãi bỏ 22 thủ tục hành chính liên quan đến điều kiện kinh doanh.

- **Bộ Công an:** quản lý 25 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện với tổng số 66 ĐKKD. Số ĐKKD cần tiếp tục cắt giảm theo NQ số 01/2018/NQ-CP là 33 (theo báo cáo của Bộ Công an, các ngành, nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ đang phù hợp và cần thiết cho công tác quản lý nên không đề xuất bãi bỏ).

- **Bộ Quốc phòng:** Có 34 điều kiện kinh doanh thuộc 02 nhóm ngành, nghề; chưa có đề xuất bãi bỏ, sửa đổi; cần cắt giảm 17 ĐKKD theo NQ số 01/2018/NQ-CP.

III. KIẾN NGHỊ CỦA TỔ CÔNG TÁC VỚI CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Trên cơ sở kết quả làm việc với các Bộ, cơ quan, Tổ công tác kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan, địa phương triển khai một số nhiệm vụ sau:

1. Đối với các Bộ, cơ quan, địa phương:

Nêu cao tinh thần trách nhiệm và quyết liệt hơn nữa trong công tác hoàn thiện thể chế, bảo đảm đúng tiến độ, thời gian và tính hiệu lực, hiệu quả của các văn bản quy phạm pháp luật; khẩn trương xây dựng, hoàn thiện, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, pháp lệnh đã có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2018.

2. Đối với các Bộ quản lý chuyên ngành và các Bộ, cơ quan có ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện:

- Cải cách toàn diện hoạt động KTCN, bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa 50% danh mục hàng hóa, sản phẩm thủ tục KTCN và điều kiện kinh doanh theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 174/TTg-KSTT ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Rà soát toàn bộ các Luật về kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải pháp xử lý cụ thể;

- Rà soát toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định, Thông tư, Quyết định) về kiểm tra chuyên ngành và điều kiện đầu tư, kinh doanh; đề xuất sửa đổi, bãi bỏ những quy định chồng chéo, không đồng bộ, không hợp lý về KTCN và ĐKKD gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhằm bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa 50% danh mục hàng hóa, thủ tục KTCN và ĐKKD theo hướng xây dựng 01 Nghị định sửa nhiều Nghị định liên quan đến KTCN và điều kiện kinh doanh theo trình tự, thủ tục rút gọn, báo cáo Chính phủ trong quý II năm 2018.

- Việc cắt giảm, sửa đổi hoặc bãi bỏ phải thực chất, không cắt giảm, bãi bỏ hoặc sửa đổi theo kiểu cơ học thuần túy, gộp nhiều điều kiện vào 1 điều kiện; tuyệt đối không cắt giảm, bãi bỏ cái này lại bổ sung cái khác hoặc sửa đổi, cắt giảm theo kiểu thay đổi tên gọi.

- Khẩn trương xây dựng phương án, lộ trình cắt giảm, bãi bỏ ĐKKD, thủ tục hành chính không cần thiết, bất hợp lý, gây khó khăn, cản trở đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Từ ngày 15 tháng 3 năm 2018, Tổ công tác sẽ tiến hành kiểm tra việc cắt giảm, bãi bỏ ĐKKD, thủ tục hành chính tại các Bộ, cơ quan, địa phương.

- Các Bộ quản lý chuyên ngành:

- + Khẩn trương ban hành danh mục hàng hóa phải KTCN kèm mã số HS (còn 42 danh mục hàng hóa chưa ban hành) thuộc phạm vi quản lý, kiểm tra chuyên ngành của Bộ mình.

+ Hoàn thành việc ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với danh mục hàng hóa thuộc diện phải KTCN khi nhập khẩu ở khâu thông quan để thuận lợi trong việc áp dụng quản lý rủi ro (còn khoảng 34% danh mục hàng hóa phải KTCN chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật).

3. Đối với Bộ Tài chính:

- Khẩn trương trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và KTCN đối với hàng hóa xuất nhập khẩu;

- Khẩn trương nghiên cứu, rà soát, đổi mới quy trình về thủ tục hải quan cho phù hợp với những quy định mới về quản lý, KTCN;

- Tổ chức, đánh giá lại hoạt động các địa điểm KTCN tập trung đã thành lập để đề xuất phương án triển khai hiệu quả.

4. Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Khẩn trương xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật doanh nghiệp; tiếp tục nghiên cứu, rà soát cắt giảm các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện mà không cần thiết quản lý tại Phụ lục 04 của Luật đầu tư.

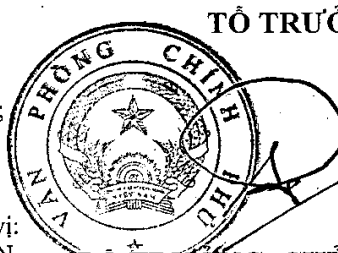
5. Đối với Văn phòng Chính phủ:

Giao Văn phòng Chính phủ chủ trì làm việc với các Bộ quản lý chuyên ngành, đề xuất cụ thể cách thức quản lý, kiểm tra đối với danh mục hàng hóa đang chồng chéo, chịu nhiều hình thức quản lý, kiểm tra của nhiều Bộ hoặc của nhiều cơ quan, đơn vị thuộc một Bộ, bảo đảm nguyên tắc một mặt hàng chỉ điều chỉnh bởi một văn bản quy phạm pháp luật quy định về KTCN và do 01 Bộ, cơ quan chịu trách nhiệm quản lý, KTCN./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các thành viên Tổ công tác;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Tổng cục Hải quan;
- VPCP: Các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, đơn vị: KGVX, CN, KTTH, NN, PL, QHQT, ĐMDN, V.I, NC, KSTTHC, Công thông tin điện tử CP;
- Lưu: VT, TCTTTg (3b).L 106

TỔ TRƯỞNG



BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM VPCP
Mai Tiến Dũng

KẾT QUẢ

Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương

(Từ 01/01/2017 - 28/02/2018)

STT	Cơ quan được giao	Tổng số văn bản giao nhiệm vụ	Tổng số nhiệm vụ giao	Đã hoàn thành		Chưa hoàn thành	
				Đúng hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn
1	Bộ Công an	190	321	117	46	155	3
2	Bộ Quốc phòng	172	316	95	61	146	14
3	Văn phòng Chính phủ	58	148	127	0	20	1
4	Bộ Ngoại giao	87	212	41	0	161	10
5	Bộ Nội vụ	237	412	181	60	167	4
6	Bộ Tư pháp	156	301	209	7	85	0
7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	570	999	184	347	460	8
8	Bộ Tài chính	680	992	496	236	256	4
9	Bộ Công Thương	456	775	409	53	313	0
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	371	620	421	60	137	2
11	Bộ Giao thông vận tải	482	773	459	94	218	2
12	Bộ Xây dựng	278	454	296	40	118	0
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	414	650	415	71	164	0
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	183	361	218	30	113	0
15	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	219	400	217	24	158	1
16	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	146	317	188	17	112	0
17	Bộ Khoa học và Công nghệ	180	351	130	30	191	0
18	Bộ Giáo dục và Đào tạo	214	373	127	48	198	0
19	Bộ Y tế	153	350	47	41	243	19
20	Ủy ban Dân tộc	111	220	60	9	151	0
21	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	196	354	241	1	112	0
22	Thanh tra Chính phủ	188	319	71	105	139	4
23	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	2	5	0	0	4	1
24	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	17	25	10	5	10	0
25	Đài Tiếng nói Việt Nam	11	11	0	0	8	3
26	Đài Truyền hình Việt Nam	11	11	0	0	7	4
27	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	4	13	0	0	13	0
28	Thông tấn xã Việt Nam	6	6	0	0	5	1
29	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN	6	6	3	0	3	0

30	UBND Thành phố Hà Nội	195	355	19	61	267	8
31	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	197	344	160	65	101	18
32	UBND Thành phố Hải Phòng	108	247	166	2	79	0
33	UBND Thành phố Đà Nẵng	108	249	110	9	128	2
34	UBND Thành phố Cần Thơ	93	231	138	5	88	0
35	UBND Cao Bằng	88	225	94	7	123	1
36	UBND Lạng Sơn	90	229	107	24	93	5
37	UBND Lai Châu	90	226	75	5	143	3
38	UBND Điện Biên	85	222	98	15	108	1
39	UBND Hà Giang	90	226	85	8	130	3
40	UBND Sơn La	93	230	117	11	102	0
41	UBND Tuyên Quang	88	225	118	12	86	9
42	UBND Yên Bái	88	229	118	16	95	0
43	UBND Lào Cai	93	231	12	17	197	5
44	UBND Bắc Kạn	89	226	36	12	161	17
45	UBND Thái Nguyên	96	234	98	1	134	1
46	UBND Phú Thọ	88	225	116	5	102	2
47	UBND Vĩnh Phúc	108	245	81	17	141	6
48	UBND Bắc Giang	90	226	106	1	116	3
49	UBND Bắc Ninh	95	244	91	6	147	0
50	UBND Hòa Bình	90	227	89	6	127	5
51	UBND Quảng Ninh	94	232	149	13	70	0
52	UBND Hải Dương	94	231	8	16	199	8
53	UBND Hưng Yên	89	225	116	7	101	1
54	UBND Thái Bình	97	239	170	1	68	0
55	UBND Hà Nam	92	227	51	6	167	3
56	UBND Nam Định	96	233	91	0	142	0
57	UBND Ninh Bình	91	240	17	13	205	5
58	UBND Thanh Hóa	94	216	91	0	125	0
59	UBND Nghệ An	97	235	8	17	205	5
60	UBND Hà Tĩnh	104	246	98	17	130	1
61	UBND Quảng Bình	104	249	203	1	45	0
62	UBND Quảng Trị	101	242	80	24	136	2
63	UBND Thừa Thiên Huế	100	243	132	8	101	2
64	UBND Quảng Nam	111	251	150	5	96	0
65	UBND Quảng Ngãi	99	240	142	9	88	1
66	UBND Bình Định	102	240	168	1	71	0
67	UBND Phú Yên	100	242	135	6	100	1
68	UBND Khánh Hòa	102	246	131	19	96	0
69	UBND Ninh Thuận	92	229	131	9	89	0

70	UBND Bình Thuận	103	246	127	3	112	4
71	UBND Gia Lai	107	250	147	6	97	0
72	UBND Kon Tum	94	230	137	8	85	0
73	UBND Đắk Lắk	107	244	127	26	91	0
74	UBND Đắk Nông	97	234	58	17	156	3
75	UBND Lâm Đồng	101	238	81	18	138	1
76	UBND Đồng Nai	108	248	64	19	160	5
77	UBND Bà Rịa - Vũng Tàu	95	231	114	23	93	1
78	UBND Long An	101	240	72	9	146	13
79	UBND Tây Ninh	88	226	69	19	138	0
80	UBND Bình Dương	100	243	155	2	86	0
81	UBND Bình Phước	93	235	10	6	198	21
82	UBND Tiền Giang	94	232	112	17	101	2
83	UBND Bến Tre	94	235	151	7	77	0
84	UBND Hậu Giang	89	229	66	16	144	3
85	UBND Sóc Trăng	91	231	96	13	120	2
86	UBND Đồng Tháp	91	229	77	1	151	0
87	UBND Vĩnh Long	78	213	124	10	79	0
88	UBND Trà Vinh	88	226	120	17	88	1
89	UBND An Giang	96	236	105	2	129	0
90	UBND Kiên Giang	99	239	112	23	103	1
91	UBND Bạc Liêu	92	228	62	24	141	1
92	UBND Cà Mau	99	238	94	15	129	0
93	Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ	2	2	0	0	0	2
94	Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	6	7	0	0	7	0
95	Tập đoàn Viễn thông Quân đội	3	4	1	0	3	0
96	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	4	5	0	0	4	1
97	Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	2	3	0	0	3	0
98	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	9	20	0	0	18	2
99	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	22	27	0	0	25	2
100	Tập đoàn Dệt - May Việt Nam	7	12	0	0	11	1
101	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	30	45	0	0	41	4
102	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	5	6	0	0	6	0
103	Tổng công ty Cà Phê Việt Nam	2	3	0	0	3	0
104	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	8	8	0	0	4	4
105	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	2	7	0	0	7	0
106	Tổng công ty Giấy Việt Nam	1	2	0	0	2	0
107	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	1	2	0	0	2	0
108	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	3	6	0	0	6	0
109	Tổng công ty Lương thực miền Bắc	2	3	0	0	3	0

110	Tổng công ty Lương thực miền Nam	4	5	0	0	4	1
111	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	1	2	0	0	2	0
112	Tổng công ty Xi măng Việt Nam	2	3	0	0	3	0
113	Tổng công ty Thép Việt Nam	2	3	0	0	3	0
114	Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam	2	3	0	0	3	0
115	Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam	2	3	0	0	3	0
116	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	3	3	0	0	3	0
117	Ngân hàng Chính sách xã hội	6	6	0	0	4	2
118	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	4	6	0	0	4	2
119	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	1	1	0	0	1	0
120	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	2	2	0	0	1	1
121	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	3	3	0	0	3	0
122	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	4	4	0	0	3	1
123	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	1	1	0	0	0	1
124	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	1	1	0	0	0	1
125	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	2	2	0	0	1	1
126	Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam	1	1	0	0	0	1
127	Tòa án nhân dân tối cao	1	1	0	0	1	0
128	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	8	9	0	0	5	4
129	Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia	12	19	0	0	15	4
130	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	1	4	0	0	4	0
131	Hội Khuyến học Việt Nam	1	2	0	0	2	0
132	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	5	6	0	0	3	3
133	Đại học Quốc gia Hà Nội	5	8	0	0	6	2
134	Kiểm toán Nhà nước	4	4	0	0	3	1
135	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1	1	0	0	0	1
136	Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương	2	2	0	0	2	0
137	Ban Chỉ đạo Đổi mới và PTĐN	4	4	0	0	1	3
138	Tổng hội Y học Việt Nam	1	1	0	0	1	0
139	Ban Đối ngoại Trung ương	1	1	0	0	0	1
140	Ban Tôn giáo Chính phủ	1	1	0	0	1	0
141	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN	4	4	0	0	0	4
142	Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	1	1	0	0	0	1
143	Ủy ban Biên giới Quốc gia	1	1	0	0	0	1
144	Liên Hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam	1	3	0	0	3	0
145	BCĐ Phòng Chống lụt bão Trung ương	3	4	0	0	4	0
	Tổng số		25385	11148	2163	11765	309

Thời điểm xuất báo cáo 28/02/2018 15:45:13